TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HS-ST.
Ngày: 14-5-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm hình thức trực tuyến công khai tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng khác; Điểm cầu thành phần tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ gồm: Bị cáo và cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/HSST-QĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/HSST-QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Ngọc H; sinh năm 1973 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Số CMND/thẻ CCCD/Hộ chiếu: 051073009701 cấp ngày 08/5/2021. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đ, sinh năm 1933 (chết) và bà Lâm Thị L, sinh năm 1940 (chết); Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 07 chị em; Bị cáo có vợ Lê Thị Tuyết C, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/6/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong.

- Ngày 02/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong.

- Ngày 17/9/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong.

Bị bắt quả tang ngày 13/10/2024, tạm giữ ngày 14/10/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2024 đến nay tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phan Kim P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Lê Thị Tuyết C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ D, ấp N, xã N, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(bà C, bà P có mặt, bà L1, anh V, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc H có mối quan hệ quen biết với bà Phan Kim P, ngụ tại: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị L1, ngụ tại: Ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2024, H đã cho bà P và bà L1 vay tiền của H với lãi suất cao vượt quá quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Đối với bà Nguyễn Thị L1: Từ ngày 07/8/2024 đến ngày 10/9/2024, bà L1 đã vay của H 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 07/8/2024, bà L1 vay H số tiền 16.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 720%/năm). Chu kỳ 05 ngày đóng lãi cho H một lần với số tiền lãi 1.600.000 đồng. Tính đến ngày 09/10/2024 (63 ngày), bà L1 đã trả cho H 20.160.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 19.600.000 đồng. Bà L1 vẫn nợ tiền gốc là 16.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 21/8/2024, bà L1 vay H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 720%/năm). Chu kỳ 05 ngày đóng lãi cho H một lần với số tiền lãi 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/10/2024 (49 ngày), bà L1 đã trả cho H 19.600.000 đồng tiền lãi (H thu lợi bất chính 19.055.556 đồng). Bà L1 vẫn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 10/9/2024, bà L1 vay H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 720%/năm). Chu kỳ 05 ngày trả lãi một lần với số tiền 1.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/10/2024 (tính từ thời điểm vay là 29 ngày), bà L1 đã trả cho H 5.800.000 đồng tiền lãi nhưng H đã bớt cho chị L1 1.600.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi H đã nhận từ khoản vay này là 4.200.000 đồng (H thu lợi bất chính 4.038.889 đồng). Bà L1 vẫn nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà L1 đã vay của H cả 03 lần là 46.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà L1 đã trả cho H là 43.960.000 đồng, trừ đi số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 1.265.555 đồng thì H đã thu lợi bất chính số tiền 42.694.445 đồng.

+ Đối với bà Phan Kim P: Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 29/4/2024, bà P đã vay của H 22 lần, với lãi suất thỏa thuận từ 2%/ngày trở lên (tương đương 720%/năm trở lên), cụ thể:

- Lần 01: Ngày 12/11/2022, H cho bà P vay số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất 2%/ngày (tức 720%/năm), đến ngày 21/11/2022 (09 ngày), P không trả đủ tiền lãi theo thỏa thuận mà chỉ trả cho H số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi, tức chỉ 100%/năm, H thu lợi bất chính 2.400.000 đồng, tiền gốc bà P vẫn nợ H 120.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 21/11/2022, P tiếp tục vay của H số tiền 50.000.000 đồng và vẫn trả lãi cho lần vay cũ và lần vay mới, từ ngày 21/11/2022 đến ngày 18/6/2023 (209 ngày), P đã trả tiền lãi cho H tổng số tiền lãi là 1.477.500.000 đồng (tức lãi suất 1497,6%/năm), H thu lợi bất chính 1.457.761.112 đồng. Bà P vẫn nợ H 170.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 03: Ngày 18/6/2023, P vay thêm của H 67.000.000 đồng và vẫn tiếp tục trả lãi cho lần vay cũ lần lần vay mới, từ ngày 18/6/2023 đến ngày 27/6/2023 (09 ngày), P đã trả tiền lãi cho H số tiền 50.000.000 đồng, tức lãi suất 831,6%/năm. H thu lợi bất chính 48.815.000 đồng, bà P vẫn nợ H 237.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 04: Ngày 27/6/2023, P vay thêm của H số tiền 20.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi cho các lần vay trước, từ ngày 27/6/2023 đến 30/6/2023 (03 ngày), P đã trả tiền lãi cho H số tiền 25.000.000 đồng, tức lãi suất 1166,4%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 24.571.667 đồng, bà P vẫn nợ toàn bộ 257.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 05: Ngày 30/6/2023, P vay tiếp của H 100.000.000đ và vẫn tiếp tục trả lãi cho lần vay cũ, lần vay mới, từ ngày 30/6/2023 đến 27/7/2023 (27 ngày), P đã đóng tiền lãi cho H số tiền 235.000.000 đồng, tức lãi suất 878,4%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 229.645.000 đồng. Bà P vẫn nợ H toàn bộ 357.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 06: Ngày 27/7/2023, P vay tiếp của H số tiền 20.000.000 đồng và vẫn tiếp tục trả lãi cho lần vay cũ, lần vay mới, từ ngày 27/7/2023 đến 15/11/2023 (111 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 1.189.000.000 đồng, tức lãi suất 1022,4%/năm), H thu lợi bất chính số tiền 1,165,751,667 đồng. Bà P vẫn nợ H toàn bộ tiền gốc là 377.000.000 đồng.

- Lần 07: Ngày 15/11/2023, P vay thêm 30.000.000đ, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 15/11/2023 đến ngày 11/3/2024 (117 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 1.553.600.000 đồng, (tức lãi suất 1173,6%/năm), H thu lợi bất chính số tiền 1,527,145.000 đồng. Bà P vẫn nợ H toàn bộ tiền gốc là 407.000.000 đồng.

- Lần 08: Ngày 11/3/2024, P vay thêm 17.500.000đ, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 11/3/2024 đến ngày 12/3/2024 (01 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 20.000.000 đồng, tức lãi suất 1695,6%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 19.764.167 đồng, Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 424.500.000 đồng.

- Lần 09: Ngày 12/3/2024, P vay thêm của H số tiền 42.000.000 đồng, P vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 12/3/2024 đến ngày 14/3/2024 (02 ngày), P đã đóng tiền lãi cho H số tiền 30.000.000 đồng, tức lãi suất 1159,2%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 29.481.667 đồng. Bà P vẫn nợ H toàn bộ tiền gốc là 466.500.000 đồng.

- Lần 10: Ngày 14/3/2024, P vay thêm của H số tiền 20.000.000 đồng, P vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 14/3/2024 đến ngày 18/3/2024 (04 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 10.000.000 đồng, tức lãi suất 183,6%/năm, H thu lợi bất chính 8.918.889 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 486.500.000 đồng.

- Lần 11: Ngày 18/3/2024, P vay thêm của H số tiền 20.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 18/3/2024 đến ngày 21/3/2024 (03 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 110.000.000 đồng, tức lãi suất 2606,4%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 109.155.833 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 506.500.000 đồng.

- Lần 12: Ngày 21/3/2024, P vay thêm của H số tiền 43.500.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 21/3/2024 đến ngày 24/3/2024 (03 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 40.500.000 đồng, tức lãi suất 882%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 39,583,333 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 550,000,000 đồng.

- Lần 13: Ngày 24/3/2024, P vay thêm của H số tiền 30.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 24/3/2024 đến ngày 26/3/2024 (02 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 45.000.000 đồng, tức lãi suất 1396,8%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 44.355.555 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 580.000.000 đồng.

- Lần 14: Ngày 26/3/2024, P vay thêm của H số tiền 62.200.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 26/3/2024 đến ngày 31/3/2024 (05 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 120.000.000 đồng, tức lãi suất 1346,1%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 118.216.111 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 642.200.000 đồng.

- Lần 15: Ngày 31/3/2024, chị P vay thêm của H số tiền 74.500.000 đồng, P vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 31/3/2024 đến ngày 05/4/2024 (05 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 15.000.000 đồng, tức lãi suất 151,2%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 13.009.167 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 716.700.000 đồng.

- Lần 16: Ngày 05/4/2024, chị P vay thêm của H số tiền 15.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 (09 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 255.000.000 đồng, tức lãi suất 1393,2%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 251.341.500 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 731.700.000 đồng.

- Lần 17: Ngày 14/4/2024, P vay thêm của H số tiền 20.000.000 đồng, P vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 14/4/2024 đến ngày 16/4/2024 (02 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 35.000.000 đồng, tức lãi suất 838,8%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 34.164.778 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 751.700.000 đồng.

- Lần 18: Ngày 16/4/2024, P vay thêm của H số tiền 30.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 16/4/2024 đến ngày 19/4/2024 (03 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 130.000.000 đồng, tức lãi suất 1994,4%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 128.697.167 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 781.700.000 đồng.

- Lần 19: Ngày 19/4/2024, P vay thêm của H số tiền 20.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 19/4/2024 đến ngày 21/4/2024 (02

ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 55.000.000đ, tức lãi suất 1234,8%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 54.109.222 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 801.700.000 đồng.

- Lần 20: Ngày 21/4/2024, P vay thêm của H số tiền 30.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả lần vay cũ và vay mới, từ ngày 21/4/2024 đến ngày 24/4/2024 (03 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 80.000.000 đồng, tức lãi suất 1155,6%/năm), H thu lợi bất chính số tiền 78.613.833 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 831.700.000 đồng.

- Lần 21: Ngày 24/4/2024, chị P vay thêm của H số tiền 30.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả vay cũ và vay mới, từ ngày 24/4/2024 đến ngày 29/4/2024 (05 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 67.000.000 đồng, tức lãi suất 561,6%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 64.606.389 đồng. Bà P vẫn nợ toàn bộ tiền gốc là 861.700.000 đồng.

- Lần 22 (lần cuối): Ngày 29/4/2024, P vay thêm của H số tiền 5.000.000 đồng, vẫn tiếp tục đóng lãi cả vay cũ và vay mới, từ ngày 29/4/2024 đến ngày 14/6/2024 (46 ngày), P đã đóng lãi cho H số tiền 404.000.000 đồng, tức lãi suất 363,6%/năm, H thu lợi bất chính số tiền 381.851.000 đồng. Đến thời điểm này, bà P đã nợ H tổng toàn bộ tiền gốc là 866.700.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền H đã cho bà P vay là 866,700,000 đồng, với lãi suất dao động từ 100%/năm đến 2606,4%/năm. Số tiền lãi bà P đã trả cho H là 5.949.600.000 đồng. Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính từ việc cho bà P vay tiền là 5.831.958.057 đồng.

Giao dịch giữa H và bà P được thực hiện toàn bộ trên tài khoản ngân hàng TMCP Á (A) số tài khoản 8293007 của Trần Ngọc H, tài khoản ngân hàng A1 số 5911205301054, tài khoản V1 số 1041948743 của Phan Kim P.

Đến giữa năm 2024, do bà P không có khả năng chi trả nên trốn tránh H, H liên tục gửi tin nhắn qua mạng xã hội "zalo" với nội dung đe dọa ép buộc bà P phải trả tiền. Ngày 14/6/2024, H đến nhà bà P ép buộc bà viết một tờ giấy vay nợ thể hiện bà P nợ H số tiền 1.250.000.000 đồng, trong đó gồm toàn bộ tiền gốc và tiền lãi còn chậm, cứ ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 7/2024 phải trả cho H số tiền 100.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 1.250.000.000 đồng thì sẽ xong nợ nần với P, bà P đồng ý viết giấy nợ với nội dung trên. Từ thời điểm viết giấy nợ đến tháng 9/2024, bà P đã trả cho H tổng cộng 300.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2024, bà P có nhu cầu mượn lại căn cước công dân mà H đang giữ để đến ngân hàng đăng ký thủ tục sinh trắc học nên đã liên lạc với H để mượn lại CCCD trong thời hạn 02 ngày nhưng H không đồng ý mà ra yêu cầu bà P phải đưa cho H số tiền 4.000.000 đồng cho 02 ngày mượn CCCD và phải kèm theo một căn

cước công dân của người thân để xác nhận nợ. Khoảng 13 giờ 10, ngày 13/10/2024, để lấy lại được CCCD bà P hẹn H đến quán C2, tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai để đưa tiền và nhận lại CCCD. Tại đây, bà P trả trước cho H số tiền 20.000.000 đồng (trong số tiền 100.000.000 đồng sẽ phải trả vào ngày 15/10 theo nội dung trong giấy mượn tiền) và số tiền 4.000.000 đồng để mượn lại căn cước công dân. Trong khi bà P đang đưa tiền cho H thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt quả tang. Tiến hành kiểm tra xe ô tô biển số 60K-378.24 của H thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23Fe màu đen. Khám xét chỗ ở của H tại Tổ D, Ấp A, xã P, huyện L thu giữ 01 tờ giấy mượn tiền đề ngày 15/6/2024 (người mượn tiền Phan Kim P); 01 vật có hình dạng khẩu súng ngắn, màu đen, bên trái nòng có dòng chữ" CZ83CAL765BROWNING-MADE IN CHINA; 01 cuốn sổ ghi nợ.

Việc tạm giữ và xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của H 01 xe ô tô màu trắng biển số 60K-378.24, số khung: RLUAD41BBPN105239, số máy G4LCPU901034 do Lê Thị Tuyết C (vợ của Trần Ngọc H) đứng tên chủ sở hữu.

- Đối với 01 vật có hình dạng khẩu súng ngắn, màu đen, bên trái nòng có dòng chữ "CZ83CAL765BROWNING-MADE IN CHINA", là công cụ H sử dụng để chụp hình gửi qua nhằm uy hiếp tinh thần Phụng nhằm đạt mục đích khiến bà P phải viết giấy mượn tiền. Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển cùng hồ sơ vụ Cưỡng đoạt tài sản đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối 01 tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đề ngày 15/6/2024, người mượn tiền "Phan Kim P" mượn H số tiền 1.250.000.000 đồng; 01 cuốn sổ ghi nợ là các tài liệu thể hiện hoạt động cho vay lãi nặng của H được chuyển kèm hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23 Fe là tài sản của Trần Ngọc H, H sử dụng điện thoại này làm phương tiện liên lạc, thu tiền lãi đối với các con nợ của mình cần tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo H cho bà L1 và bà P vay được xác định tiền sử dụng vào việc phạm tội, bà P đã trả bị cáo H 320.000.000 đồng, bà L1 chưa trả tiền vay gốc cho H. Cần buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 320.000.000 đồng tiền gốc cho vay của bà P đã trả và tiền lãi theo Bộ luật dân sự là 118.907.498 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo, cụ thể: bà P còn nợ 546.700.000 đồng và bà L1 còn nợ 46.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền H thu lời bất chính là 5.874.652.502 đồng (gồm 5.831.958.057 đồng của bà P và 42.694.445 đồng của bà L1) cần tuyên trả lại cho bà P và bà L1.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSLT ngày 03/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội danh, khung hình phạt, Điều luật áp dụng như Cáo trạng đã nêu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H mức án từ 20 tháng tù đến 22 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23 Fe.

Xe ô tô biển số 60K-378.24 được bà C mua vào năm 2023, là tài sản riêng của bà C. Ngày 13/10/2024, H sử dụng phương tiện này để đi lấy tiền thu lợi bất chính, tuy nhiên, bà C không biết. Do đó, đề nghị trả lại cho bà C xe ô tô màu trắng biển số 60K-378.24, số khung: RLUAD41BBPN105239, số máy G4LCPU901034.

Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 320.000.000 đồng tiền gốc cho vay của bà P đã trả cho H và nộp lại tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 118.907.498 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà P phải nộp lại tiền 546.700.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng bà P không yêu cầu nhận lại. Bà P còn phải nộp lại tiền 542.700.000 đồng. Buộc bà L1 nộp lại số tiền 46.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 24.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo H khi bà P đưa, cần tuyên trừ cho bà P và bị cáo H.

Buộc bị cáo H trả lại số tiền thu lợi bất chính 5.831.958.057 cho bà P và trả lại cho bà L1 42.694.445 đồng.

Đối với hành vi của H đe dọa uy hiếp tinh thần bà P buộc bà P phải viết giấy mượn số tiền 1.250.000.000 đồng có dấu hiệu về tội Cưỡng đoạt tài sản. Xét thẩm quyền điều tra thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã chuyển hồ sơ, tài liệu và vật hình dạng giống khẩu súng thu giữ liên quan đến hành vi này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H đã khai nhận: Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2024, bị cáo H đã cho bà P và bà L1 vay tiền của H với lãi suất cao vượt quá quy định của pháp luật, lãi suất H cho vay mức thấp nhất 100%/năm đến 2606,4%/năm. Số tiền gốc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội 912.700.000 đồng (chín trăm mười hai triệu, bảy trăm ngàn đồng). Tổng số tiền H thu lợi từ việc cho vay là 5.874.652.502 đồng, trong đó thu lợi bất chính của bà P 5.831.958.057 đồng, của bà L1 42.694.445 đồng. Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, bà L1 cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Trần Ngọc H cho người khác vay tiền (tiền đồng Việt Nam) với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (5 lần trở lên là từ 100%/năm hoặc 8,33%/tháng trở lên). Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20%/năm hoặc 1,666%/tháng. Trong khi bị cáo cho vay mức lãi suất thấp nhất 100%/năm cho đến 2606,4%/năm và đã thu lợi bất chính 5.874.652.502 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong quản lý hoạt động tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao, dẫn đến quan hệ giữa người cho vay và người vay xảy ra nhiều hệ lụy khôn lường. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, không rèn luyện tu dưỡng bản thân, bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là trái pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý vật chứng.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23Fe là tài sản của Trần Ngọc H, bị cáo H sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 320.000.000 đồng tiền gốc cho vay của bà P đã trả được trừ 20.000.000 đồng trong số tiền 24.000.000 đồng tạm giữ và nộp lại số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 118.907.498 đồng phát sinh từ tiền dùng làm phương tiện phạm tội để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo, đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả phải nộp lại tiền để sung ngân sách Nhà nước:

Buộc bà P phải nộp lại số tiền 546.700.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước. Bà P được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng của bà P trong số tiền 24.000.000 đồng tạm giữ là số tiền bị cáo H, bà P khai không liên quan đến số tiền cho vay, tiền lãi mà là tiền thế chấp lại để bà P mượn căn cước công dân. Bà P còn phải nộp số tiền 542.700.000 đồng.

Buộc bà L1 phải nộp lại số tiền 46.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền 5.874.652.502 đồng bị cáo H thu lợi bất chính. Theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: "Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay, bà P, bà L1 yêu cầu trả lại nên được trả lại cho người vay.

Buộc bị cáo H trả lại số tiền 5.874.652.502 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trả cho bà P số tiền 5.831.958.057 đồng và bà L1 số tiền 42.694.445 đồng.

Đối với 01 xe ô tô màu trắng biển số 60K-378.24, số khung: RLUAD41BBPN105239, số máy G4LCPU901034 do bà C đứng tên chủ sở hữu. Xe ô tô biển số 60K-378.24 được bà C mua vào năm 2023, bị cáo và bà C xác định xe là tài sản riêng của bà C, nguồn tiền bà C vay mượn của các con, bà C giao xe cho con

rể quản lý, sử dụng nhưng bị cáo H mượn xe từ con gái để sử dụng vào ngày 13/10/2024 đi lấy tiền thu lợi bất chính, bà C và những người này không biết nên cần trả lại xe này cho bà C.

Tài sản nêu trên theo Biên bản bàn giao tài sản ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Đối 01 tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đề ngày 15/6/2024, người mượn tiền "Phan Kim P" mượn Trần Ngọc H số tiền 1.250.000.000 đồng; 01 cuốn sổ ghi nợ là các tài liệu thể hiện hoạt động cho vay lãi nặng của Trần Ngọc H là chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi của H đe dọa uy hiếp tinh thần bà P buộc bà P phải viết giấy mượn số tiền 1.250.000.000 đồng có dấu hiệu về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Xét thẩm quyền điều tra thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã chuyển hồ sơ, tài liệu và vật hình dạng giống khẩu súng thu giữ liên quan đến hành vi này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc H** phạm tội ***"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".***

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 13/10/2024.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23Fe của bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp lại số tiền đã dùng vào việc phạm tội 320.000.000 đồng và số tiền lãi 118.907.498 đồng được trừ vào số tiền 20.000.000

đồng trong số tiền 24.000.000 đồng theo giấy nộp tiền mặt ngày 14/5/2025 tại Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Đ2 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước huyện L, tỉnh Đồng Nai để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo H còn phải nộp số tiền 418.907.498 đồng (bốn trăm mười tám triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm chín mươi tám đồng).

Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải trả lại tiền thu lợi bất chính 5.874.652.502 đồng (năm tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm lẻ hai đồng) cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trả lại cho bà Phan Kim P số tiền 5.831.958.057 đồng và trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 42.694.445 đồng.

Trả lại 01 xe ô tô màu trắng biển số 60K-378.24, số khung: RLUAD41BBPN105239, số máy G4LCPU901034 cho bà Lê Thị Tuyết C.

Buộc bà Phan Kim P nộp lại số tiền chưa trả cho bị cáo H đã dùng vào việc phạm tội: 546.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng của bà P trong số tiền 24.000.000 đồng theo giấy nộp tiền mặt ngày 14/5/2025 tại Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Đ2 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước huyện L, tỉnh Đồng Nai để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Bà P còn phải nộp số tiền 542.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị L1 nộp lại số tiền chưa trả cho bị cáo H đã dùng vào việc phạm tội 46.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/5/2025.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (2);
- Chi cục THADS H. Long Thành (4);
- Bị cáo (1); Người có QL, NVLQ đến vụ án (3)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (4).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An